

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN THỚI THƯỢNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

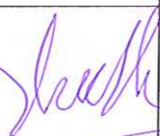
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

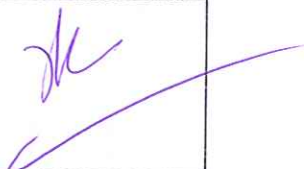
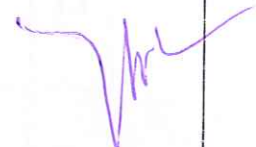
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN THỚI THƯỢNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đàm Thu Thảo	Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Văn Thanh	Phó hiệu trưởng, Phó Bí thư Chi bộ	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Huỳnh Bảo Châu	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Như Nhật Tân	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Dương Thị Thùy Trang	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	

6	Nguyễn Thị Thùy Trang	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Kiều Nga	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên Hội đồng	
8	Phạm Thị Kim Huệ	Tổ trưởng chuyên môn Tổ 1	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng chuyên môn Tổ 2	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Liên	Tổ trưởng chuyên môn Tổ 3	Ủy viên Hội đồng	
11	Lê Thị Tuyết Mai	Tổ trưởng chuyên môn Tổ 4	Ủy viên Hội đồng	
12	Lê Thanh Lan	Tổ trưởng chuyên môn Tổ 5	Ủy viên Hội đồng	
13	Trần Thị Lan Anh	Tổ trưởng chuyên môn Tổ bộ môn	Ủy viên Hội đồng	
14	Trần Thị Ngọc Loan	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	7
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	10
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	18
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	22
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	22
Mở đầu	22
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	22
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với tư thục) và các hội đồng khác	24
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	27
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	30
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	34
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	35
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	38

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	40
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	41
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	46
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	47
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	49
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	52
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	56
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập	58
Tiêu chí 3.2: Phòng học	60
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị	62
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	64
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	66

Tiêu chí 3.6: Thư viện	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	71
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	72
Mở đầu	72
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	72
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	77
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	78
Mở đầu	78
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	79
Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	81
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	83
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	86
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	88
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	90
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	91
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x	x	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng

Tên trước đây: Không

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Đàm Thu Thảo
Huyện	Hóc Môn	Điện thoại	(028) 37135051
Xã	Xuân Thới Thượng	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	http://thxuanthoithuong.hcm.edu.vn
Năm thành lập	1999	Số điểm trường	02
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 1	07	12	12	10	09
Khối lớp 2	14	07	12	12	10
Khối lớp 3	11	14	7	12	12
Khối lớp 4	09	11	14	7	12
Khối lớp 5	09	09	11	14	07
Cộng	50	53	56	55	50

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	37	48	48	48	48	
1	Phòng học	33	44	44	44	44	
a	Phòng kiên cố	33	44	44	44	44	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
2	Phòng học bộ môn	01	01	01	01	01	
a	Phòng kiên cố	00	00	00	00	00	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	01	01	01	01	01	
1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	00	00	00	00	00	
	Cộng	39	39	50	50	50	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 10 năm 2022

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	01	00	
Phó hiệu trưởng	02	01	00	00	02	00	
Giáo viên	73	57	00	13	52	00	
Nhân viên	17	10	00	0	04	00	
Cộng	93	69	00	13	80	00	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	Tổng số giáo viên	66	68	71	73	67
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,32	1,28	1.26	1.32	1.34
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,026	0,026	0.027	0.029	0.023

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	00	05	00	07	00
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	01	00
6	Các số liệu khác	00	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	Tổng số học sinh	2517	2591	2604	2470	2219
	- Nữ	1200	1232	1259	1196	1081
	- Dân tộc thiểu số	49	60	53	54	59
	- Khối lớp 1	348	522	529	446	420
	- Khối lớp 2	700	358	497	535	455
	- Khối lớp 3	577	684	351	492	519

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
	- Khối lớp 4	457	571	674	345	483
	- Khối lớp 5	435	456	553	652	342
2	Tổng số tuyển mới	348	522	529	446	437
3	Học 1 buổi/ngày	1611	1176	1147	997	342
4	Học 2 buổi/ngày	00	243	128	138	168
5	Bán trú	906	1172	1329	1335	1709
6	Nội trú	00	00	00	00	00
7	Bình quân số học sinh/lớp học	50.34	48.88	46.5	44.90	44.38
8	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	2461 97,77%	2569 99,15%	2579 99,04%	2372 96.03%	2115 95,31%
	- Nữ	1165	1208	1258	1157	1050
	- Dân tộc	22	26	28	24	26

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
9	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	00	00	00	00	00
10	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	00	00	00	00	00
11	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	06	03	02	02	01
	- Nữ	03	02	02	01	00
	- Dân tộc thiểu số	48	60	53	54	00
12	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	00	00	00	00	00
13	Khuyết tật	11	12	12	10	11
14	Lưu ban	07	12	6	0	3

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,56%	99,03%	99,73%	99,83	99,80	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	97,01%	96,05%	96,92%	96,31%	95,32%	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	

5. Các số liệu khác: Không có.

Phần II:**TỰ ĐÁNH GIÁ****A. ĐẶT VẤN ĐỀ****1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng đóng trên địa bàn Ấp 2, đường Phan Văn Hớn, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được xây dựng từ năm 1978 do UNICEF viện trợ.

Ngày 27 tháng 3 năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành Quyết định thành lập Trường Phổ thông cơ sở Xuân Thới Thượng. Đến ngày 22 tháng 01 năm 1999 trên cơ sở tách cấp, trường được Ủy ban Nhân dân huyện ra Quyết định thành lập với tên gọi là Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng hoạt động dưới sự quản lý của Đảng ủy xã Xuân Thới Thượng. Các đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Học sinh có ý thức phấn đấu trong học tập và tham gia tích cực các phong trào.

Nhờ sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn được khởi công xây dựng lại trên nền đất cũ vào ngày 19 tháng 5 năm 2011 và hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 28 tháng 8 năm 2012. Khuôn viên trường khang trang, thoáng mát với tổng diện tích đất là 8673m², diện tích xây dựng là 1606,53m², diện tích sân là 1916,13m² gồm 1 trệt và 3 lầu và Phân hiệu (Cơ sở 2 - Số 10 Phan Văn Hớn, Ấp 4, xã Xuân Thới Thượng) với tổng diện tích đất là 2003m², diện tích xây dựng là 934m²; Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ phục vụ tốt cho việc dạy và học. Bên cạnh đó, nhà trường luôn phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội

hóa giáo dục tại đơn vị. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh, Chi hội Khuyến học của nhà trường hoạt động có hiệu quả.

Trong quá trình hình thành và phát triển, trường đã đạt một số thành tích như sau:

- Năm học 2020- 2021; 2021- 2022; 2022- 2023; 2023- 2024 trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

- Năm học 2022 -2023: Trường nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố; Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chi đoàn Xuất sắc; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đạt danh hiệu mạnh. Tỷ lệ chiến sĩ thi đua các cấp luôn được duy trì và giữ vững.

Để duy trì phong trào và chất lượng năm sau cao hơn năm trước, trường luôn cải tiến phương pháp quản lý chỉ đạo và tìm giải pháp hữu ích sao cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ cụ thể theo từng thời điểm. Cải tiến phương pháp giảng dạy; thường xuyên tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức tập huấn chuyên đề vận dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy (sử dụng bảng tương tác thông minh) giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tạo hứng thú cho học sinh trong học tập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Thực hiện tốt các hội thi cấp trường và luôn động viên, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hội thi do trường, huyện và ngành tổ chức đạt hiệu quả cao.

Tập thể cán bộ - giáo viên - nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ năm học của ngành. Ban giám hiệu nhiệt tình, năng động trong công tác, có năng lực quản lý, luôn quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời, có kế hoạch cụ thể cho từng công việc và có biện pháp thực hiện rõ ràng, xây dựng khối đoàn kết, thực hiện công khai dân chủ, mọi thành viên cùng biết, cùng làm, thực hiện đúng chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật phân minh, không để hiện tượng bè phái, cục bộ. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, năng nổ, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm trong công tác tạo được uy tín, niềm tin đối với cha mẹ học sinh và học sinh.

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, đòi hỏi mỗi nhà trường phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục. Thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo quy định. Đây là bước khởi đầu quan trọng nhằm giúp nhà trường định hướng được những yêu cầu cần thiết nhất để nhà trường ngày càng phát triển hơn.

Chính vì vậy, nhà trường đề ra mục tiêu thực hiện trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 như sau:

- Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, chất lượng, sáng tạo, theo xu hướng hội nhập;
- Giáo dục học sinh chăm chỉ, năng động, sáng tạo, vui - khỏe, tự tin trong học tập và tham gia phong trào;
- Đội ngũ giáo viên có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết, nhân ái, yêu thương học sinh.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

- Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;
- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;
- Quyết định số 265/QĐ-TT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá của trường gồm 15 thành viên.

Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng tiến hành tự đánh giá theo quy trình:

- a. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- b. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- c. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- d. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- e. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- f. Viết báo cáo tự đánh giá.
- g. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành theo phương pháp phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp thực hiện; xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đánh giá mức độ cơ sở giáo dục phổ thông đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung, kết quả về điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Cơ cấu tổ chức và quản lý của trường đúng theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng trường, Hội đồng Tư vấn, Hội đồng Thi đua khen thưởng. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các tổ chức đoàn thể trong trường gồm Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng. Các tổ chức hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng trong các hoạt động.

Năm học 2023-2024, trường có 50 lớp học với 43 lớp học 02 buổi/ngày và 07 lớp học 01 buổi/ngày. Mỗi lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm theo đúng quy định. Trường có các giáo viên dạy bộ môn như thể dục, âm nhạc, tiếng Anh tự chọn, tiếng Anh đề án. Sĩ số học sinh trung bình mỗi lớp là 45,56 học sinh/lớp. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên*

các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 [H1-1.1-01]. Mục tiêu của trường hướng đến việc xây dựng chất lượng, uy tín trong giảng dạy, giáo dục và hội nhập; chú trọng phát triển đức, trí, thể, mỹ cho học sinh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc [H1-1.1-02]. Chiến lược được xây dựng theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trên cơ sở nguồn lực của trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung và mục tiêu giáo dục ở bậc tiểu học nói riêng được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-03].

b) Chiến lược phát triển nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Nội dung chiến lược phát triển nhà trường được niêm yết công khai tại trường và trên trang thông tin điện tử của trường, đồng thời, trường thực hiện thông tin, báo cáo nội dung này đến cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể các cấp, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hiệu trưởng đã đề ra biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ nhằm xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Hiệu trưởng thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả để từ đó có cơ sở bổ sung, điều chỉnh nội dung chiến lược của trường nhằm phù hợp với tình hình thực tế và theo định hướng phát triển chung của địa phương, của ngành [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, công tác đánh giá, rà soát để thực hiện bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện với những nội dung phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định và trên cơ sở nguồn lực của trường.

3. Điểm yếu

Công tác đánh giá, rà soát để thực hiện bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, chủ tịch Hội đồng trường thường xuyên thực hiện các biện pháp đánh giá kết quả và căn cứ vào mục tiêu chung của ngành, địa phương điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược. Khi xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn tiếp theo, hiệu trưởng sẽ xây dựng kế hoạch định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế nhằm hoàn thành kế hoạch chiến lược vào cuối năm 2025.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối trường với tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) *Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

c) *Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kì 2021-2025 được thành lập theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn với 11 thành viên; số lượng và thành phần cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường được đảm bảo theo đúng quy định tại Chương II Điều 10 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-01].

Hội đồng Thi đua khen thưởng của trường gồm 15 thành viên được hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học với thành phần quy định tại Chương II Điều 12 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-02]. Hội đồng Thi đua khen thưởng hoạt động có hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động của nhà trường trong các phong trào chuyên môn như giáo viên giỏi, phong trào thi đua yêu nước,... và các hội thi của học sinh [H1-1.2-03].

Hội đồng tư vấn được thành lập từ đầu năm học gồm có 15 thành viên. Thành viên của hội đồng tư vấn tập trung vào đội ngũ cán bộ cốt cán là tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng văn phòng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng Ban thanh tra nhân dân, Tổng phụ trách Đội [H1-1.2-04].

b) Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Chương II Điều 10 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-05]. Các hoạt động, kế hoạch, chủ trương của trường đều được các thành viên trong hội đồng thảo luận và thông qua, thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với tất cả hoạt động của trường [H1-1.2-05]. Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; tham mưu, đề xuất, giúp việc cho hiệu trưởng trong các

công tác có liên quan theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-06].

c) Hoạt động của hội đồng trường được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Chương II Điều 10 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-01]. Định kỳ hàng quý, hội đồng tổ chức họp để đánh giá kết quả lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ của trường; đồng thời, triển khai chỉ đạo, lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ sắp tới [H1-1.2-01]. Đa số các thành viên đều tham gia đóng góp ý kiến giúp cho hội đồng đưa ra được những quyết nghị chỉ đạo sát sao việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường [H1-1.2-01]. Hoạt động của các hội đồng khác thực hiện tốt việc đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng khác đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hội đồng Thi đua hoạt động hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động của nhà trường trong các phong trào chuyên môn như: hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, phong trào thi đua yêu nước và các hội thi của học sinh,... Hội đồng Tư vấn hoạt động tích cực, hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-02]. Tuy nhiên, một số thành viên trong Hội đồng Tư vấn phải thực hiện nhiệm vụ chính là giáo viên dạy lớp nên việc thực hiện nhiệm vụ được phân công đôi lúc còn hạn chế.

Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được báo cáo với Hội đồng trường để các thành viên thảo luận và thông qua công khai, minh bạch [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trường thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Trường thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng và Hội đồng Tư vấn với số lượng thành viên và cơ cấu theo đúng quy định nhằm giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Hội đồng Tư vấn phải thực hiện nhiệm vụ chính là giáo viên dạy lớp nên việc thực hiện nhiệm vụ được phân công đôi lúc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 -2024, nhà trường tiếp tục thực hiện và duy trì tốt Hội đồng trường và các hội đồng khác dựa trên cơ sở dự nguồn, phân công nhiệm vụ phù hợp năng lực, trình độ và điều kiện hoàn cảnh để mọi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, bồi dưỡng giúp đỡ đội ngũ kế cận dự nguồn. Hiệu trưởng phân công phân công Hội đồng tư vấn là giáo viên dự khuyết hoặc giáo viên dạy chưa đủ tiết nghĩa vụ vào hỗ trợ giảng dạy khi các thành viên trong Hội đồng tư vấn được phân công nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn cơ sở của trường có 85 công đoàn viên tham gia sinh hoạt, Ban Chấp hành Công đoàn nhiệm kì 2019-2024 gồm 05 đồng chí theo Quyết định số 166/QĐ-LĐLĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01]. Tuy nhiên, đoàn viên lớn tuổi nhiều nên các hoạt động, phong trào tham gia còn hạn chế.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường có 18 đoàn viên tham gia sinh hoạt [H1-1.3-02].

Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 1354 đội viên [H1-1.3-03]; có 865 sao Nhi đồng [H1-1.3-04]. Chi hội Khuyến học trường Tiểu học Xuân Thới Thượng được Hội khuyến học xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn công nhận Ban chấp hành Chi hội Khuyến học Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng gồm 03 người với tổng số 85 hội viên [H1-1.3-05].

b) Các tổ chức đoàn thể thực hiện việc sinh hoạt, hoạt động theo đúng quy định của điều lệ; tham gia cùng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại trường [H1-1.3-01]. Các tổ chức đoàn thể tích cực tổ chức các hoạt động, phong trào nhằm thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia.[H1-1.3-03]. Tuy nhiên, vẫn còn một số hoạt động chưa được chú ý thực hiện, quan tâm đầu tư đúng mức nên dẫn đến kết quả thực hiện còn hạn chế [H1-1.3-04].

c) Định kỳ hằng tháng Công đoàn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình theo kế hoạch đầu năm học gửi về Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn

kiểm tra [H1-1.3-01]; Chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội chữ thập đỏ cũng được kiểm tra, đánh giá định kỳ theo năm học [H1-1.3-02].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng trực thuộc Đảng ủy xã Xuân Thới Thượng. Số đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ là 33 đồng chí, chiếm tỷ lệ 47,14% tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên. Cấp ủy chi bộ gồm 03 đồng chí theo Quyết định số 167-QĐ/ĐU ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Bí thư Đảng ủy xã Xuân Thới Thượng về Chuẩn y cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng [H1-1.3-06]. Chi bộ trường thực hiện việc sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng theo Điều lệ Đảng. Chi bộ lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương [H1-1.3-07]. Từ năm 2011 đến nay, Chi bộ Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng luôn được Đảng ủy xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

b) Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như đóng góp các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10,... [H1-1.3-10].

Ngoài ra, Chi đoàn và Liên đội trường cũng đã tổ chức nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh như: ngày Hội nuôi heo đất, An toàn giao thông...[H1-1.3-11].

Mức 3:

a) Trong những năm qua, Chi bộ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2020, Chi bộ đạt được danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu [H1-1.3-09].

b) Hằng năm, các đoàn thể (Công đoàn, Chi đoàn, Liên Đội) đã đóng góp các loại quỹ xã hội, giúp học sinh nghèo đến trường, giúp bạn nghèo vui Tết,... tổ chức tốt các phong trào thi đua, động viên, khen thưởng kịp thời đoàn viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động chuyên môn và hoạt động Công đoàn

[H1.3-12]. Đoàn viên tích cực tham gia các buổi sinh hoạt Chi đoàn ở trường. Tuy nhiên, các hoạt động tổ chức ở địa phương vào chiều tối chưa tham gia đủ 100%.

2. Điểm mạnh

Trường có Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Đoàn viên tích cực tham gia các buổi sinh hoạt Chi đoàn ở trường. Tuy nhiên, các hoạt động tổ chức ở địa phương vào chiều tối chưa tham gia đủ 100%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023- 2024, chi ủy chi bộ tăng cường lãnh đạo, giám sát hoạt động các đoàn thể trong nhà trường nhằm nâng cao hơn nữa hoạt động của các đoàn thể, tạo điều kiện cho đoàn viên tham gia các hoạt động của xã đoàn, phân công nhiệm vụ cụ thể phù hợp với hoàn cảnh của từng cá nhân để đoàn viên tham gia đầy đủ; có hình thức khen thưởng, khuyến khích kịp thời để động viên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng do Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn bổ nhiệm thực hiện chức năng tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Trường tiểu học và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 17/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.4-01].

b) Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 và tổ bộ môn, tổ văn phòng; các tổ được thành lập theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.4-02]. Mỗi tổ đều có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.4-03].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần. Mỗi tổ đều có xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học riêng biệt [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Mỗi tổ đều có xây dựng kế hoạch hoạt động, các thành viên trong tổ có sổ ghi chép nội dung các cuộc họp tổ chuyên môn [H1-1.4-05]. Các tổ chuyên môn khi sinh hoạt, thực hiện chuyên đề thao giảng đều có ghi biên bản vào sổ biên bản của tổ trưởng [H1-1.4-06]. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng [H1-1.4-07].

Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ Trường tiểu học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục [H1-1.4-05]; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.4-08]; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-09]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-10].

Tổ văn phòng thực hiện đúng chức năng theo Điều 15 của Điều lệ Trường tiểu học: xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05]; giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.4-11]; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức [H1-1.4-12]; lưu trữ hồ sơ của trường đầy đủ [H1-1.4-13].

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch của trường và kế hoạch của tổ chuyên môn, trường tổ chức ít nhất 01 chuyên đề cấp trường và mỗi tổ đều có ít nhất 01 chuyên đề cấp tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động trong từng năm học. Sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần do tổ trưởng điều hành các hoạt động cùng tổ viên rút kinh nghiệm đánh giá thực hiện công tác, thống nhất thực hiện các hoạt động giáo dục [H1-1.4-06]. Tuy nhiên tổ văn phòng chưa ghi nhận nội dung các hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong biên bản cuộc họp tổ định kỳ để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Đội ngũ tổ trưởng có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm quản lý nhiều năm và tâm huyết với công việc. Các tổ chuyên môn có kế hoạch cụ thể và thực hiện tốt các biện pháp đề ra nhằm phát huy hiệu quả hoạt động giáo dục [H1-1.1-02].

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức định kỳ, liên tục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch đầy đủ và thực hiện tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Còn thiếu vị trí giáo viên nhiều môn, giáo viên tiếng Anh, giáo viên Mỹ thuật, giáo viên Âm nhạc và giáo viên Tin học.

Tổ văn phòng chưa ghi nhận nội dung các hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong biên bản cuộc họp tổ định kỳ để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng xây dựng Đề án vị trí việc làm cụ thể từng nhiệm vụ để đảm bảo số lượng, chất lượng chuyên môn. Hiệu trưởng quan tâm bồi dưỡng kỹ năng lập và viết biên bản họp tổ cho nhân viên để việc ghi nhận biên bản họp tổ định kỳ thể hiện cụ thể nội dung cuộc họp.

Hiệu trưởng tạo điều kiện cho viên chức và người lao động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch hàng năm của huyện.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 theo quy định cấp tiểu học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].
- b) Mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp với lớp trưởng và 02 lớp phó. Mỗi lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ đều có tổ trưởng và tổ phó. Lớp trưởng và lớp phó được luân phiên thay đổi 04 lần/năm học nhằm thúc đẩy các hoạt động học tập và phong trào của lớp để đạt hiệu quả cao [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].
- c) Trường đảm bảo nguyên tắc tự quản, dân chủ tại các lớp học. Tất cả mọi hoạt động của lớp đều được thực hiện công khai, minh bạch [H1-1.5-01]; [H1-1.5-04].

Mức 2:

- a) Năm học 2023-2024, trường có 50 lớp với 9 lớp 1, 10 lớp 2, 12 lớp 3, 12 lớp 4 và 7 lớp 5 [H1-1.5-02].
- b) Tổng số học sinh là 2219 em [H1-1.5-01]. Sĩ số bình quân của mỗi lớp là 47,50 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.5-02].

c) Trường có chú ý việc tổ chức các lớp học với số lượng học sinh đồng đều nhau nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp khi tổ chức các hoạt động của trường [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 16 của Điều lệ Trường tiểu học (bình quân 45,56 học sinh/lớp).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng nhà trường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm tối đa 6 lớp 1 với sĩ số 35 học sinh/lớp để trường đảm bảo tỷ lệ học sinh trên lớp đúng theo quy định Điều lệ Trường Tiểu học.

Tiếp tục duy trì xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường như: Sổ đăng bộ [H1-1.6-01], sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-02], bảng theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02], lưu trữ đầy đủ học bạ của học sinh [H1-1.6-03], hợp hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.6-04], phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-05], sổ khen thưởng [H1-1.6-06], sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-07], sổ công văn đến [H1-1.6-08], sổ công văn đi [H1-1.6-09]. Các hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác, tuy nhiên, một số hồ sơ lưu trữ chưa được khoa học, dẫn đến việc tìm kiếm, tra cứu đôi khi còn gặp một vài khó khăn.

b) Trường có thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Trường có kế hoạch định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.6-10].

Quy chế chi tiêu nội bộ luôn được cập nhật, bổ sung phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại trường và đều được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên bàn bạc, thống nhất tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường [H1-1.6-11].

Trường thực hiện các nội dung công khai theo tinh thần Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 về công khai cơ sở vật chất, công khai ngân sách đúng quy định. Hình thức công khai trên bản tin, trong họp hội đồng sư phạm [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

c) Năm 2020 trường đã thực hiện đo vẽ hiện đang tiến hành xác lập quyền sở hữu sử dụng đất; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính được giao; thực hiện việc tu bổ mua sắm cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15].

Mức 2:

a) Nhà trường đã và đang triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính. Đồng thời, trường chú ý đến việc cập nhật trang thông tin điện tử của trường [H1-1.6-16].

b) Năm học 2023 -2024, trường không có vi phạm nào về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-10].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-10]; [H1-1.6-12].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng phối hợp bộ phận tài vụ lập kế hoạch dài hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán

xây dựng kế hoạch, thực hiện sử dụng hiệu quả tài chính, tài sản để phục vụ các hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường chú trọng việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong đội ngũ; có kế hoạch, tạo điều kiện và khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-11].

b) Trường có kế hoạch và phân công rõ ràng, cụ thể đối với từng thành viên trong trường. Công tác tuyển dụng nhân viên được thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan [H1-1.7-01].

Hồ sơ cán bộ, giáo viên và nhân viên được cập nhật đầy đủ hàng năm [H1-1.7-02]; [H1-1.6-05].

Hàng năm, trường thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ kế cận theo chỉ đạo của cấp trên [H1-1.7-02].

Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm phát huy được năng lực của cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Cán bộ, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13]. Trường tạo mọi điều kiện để giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh [H1-1.6-11]. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, học tập tin học, ngoại ngữ; được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.6-13].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá các hoạt động để từ đó làm cơ sở cho sự phân công, điều chỉnh cá nhân thực hiện [H1-1.1-02]. Qua đó, nhà trường phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của trường [H1-1.6-04]. Tuy nhiên còn một số giáo viên chưa tích cực tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp thành phố tổ chức.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên, đảm bảo quyền lợi chính đáng theo quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa tích cực tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp thành phố tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường tăng cường kiểm tra, dự giờ, đánh giá giáo viên để duy trì và phát huy tốt kết quả hiện có. Nhà trường làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để khuyến khích giáo viên tham gia tốt các kỳ thi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đề ra kế hoạch giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; quản lý học sinh theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Các kế hoạch được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy định, điều kiện tại địa phương và tình hình thực tế của trường [H1-1.1-03].

b) Dựa vào kế hoạch giáo dục, nhà trường tiến hành triển khai các công việc đã đề ra và thực hiện công tác quản lý nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ để thực hiện [H1-1.4-02].

c) Trường thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động, đánh giá rút kinh nghiệm trong phiên họp Hội đồng Sư phạm hàng tháng, trong Hội đồng Thi đua [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Trường thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nội bộ với đầy đủ kế hoạch các lần kiểm tra định kỳ, có thực hiện phân công coi kiểm tra cụ thể, đảm bảo đúng quy chế chuyên môn, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo đúng theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

Mức 2:

Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh đạo trong chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên khen thưởng. Tuy nhiên, việc thực hiện một số nội dung trong kế hoạch giáo dục của các bộ phận còn chậm so với tiến độ đề ra [H1-1.8-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.8-05].

Năm học 2022-2023, nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố, nhận bằng khen cấp Thành phố [H1-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình của trường nhằm quản lý tốt hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện một số nội dung trong kế hoạch giáo dục của các bộ phận còn chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá và đề xuất các biện pháp sáng tạo, đột phá để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Tất cả mọi hoạt động, nội dung có liên quan đều được đưa ra thảo luận công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và các cuộc họp Hội đồng Sư phạm. Toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều được biết và tham gia đóng góp ý kiến, bàn bạc, thống nhất. Tuy nhiên ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa cao, chưa thật sự tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H1-1.6-04].

b) Trong thời gian qua, trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

c) Hằng năm, trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, đảm bảo nghiêm túc việc triển khai và thực hiện nội dung này tại trường [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra và thực hiện tốt các biện pháp nhằm đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13]. Tất cả mọi hoạt động diễn ra trong trường

đều được đưa ra bàn bạc, thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở. Các hoạt động của nhà trường luôn được cán bộ, giáo viên, nhân viên thảo luận công khai, minh bạch và được thông qua trong Hội đồng sư phạm.

3. Điểm yếu

Ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa nhiều nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng và Công đoàn tiếp tục phối hợp để duy trì, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong quá trình công tác.

Hiệu trưởng, tổ trưởng tạo điều kiện cho mỗi cá nhân trong nhà trường mạnh dạn phát biểu và góp ý khi tham gia các cuộc họp, hội nghị. Công đoàn cơ sở tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền vận động công đoàn viên tự giác tìm hiểu các quy định của pháp luật, quy tắc ứng xử.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-01]; phương án xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh các hiểm họa thiên tai [H1-1.10-02]; kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng chống ma túy [H1-1.10-04].

b) Trường có hộp thư góp ý đặt ở cổng trường, công khai số điện thoại của cán bộ quản lý đến phụ huynh, công khai lịch tiếp dân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của người dân; trường cũng luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây

dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương [H1-1.10-05].

c) Giáo viên thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-07].

Mức 2:

a) Xây dựng và tổ chức diễn tập phương án thoát hiểm đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh khi xảy ra thiên tai, hoả hoạn,... xử lý nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định khi có tai nạn thương tích. Nhà trường cung cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và các loại thuốc theo quy định để nhân viên y tế sơ cấp cứu khi cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh bị tai nạn thương tích. Tham mưu với chính quyền địa phương chỉ đạo việc giải toả các hàng quán trước cổng trường. Quản lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong suất ăn của học sinh bán trú, căn tin nhà trường [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về.

b) Cán bộ quản lý trường luôn tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình trong và ngoài trường; thường xuyên trao đổi, tiếp nhận các thông tin từ giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng ngoài nhà trường về những vấn đề có liên quan để từ đó có biện pháp kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Tình hình an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được đảm bảo trong nhiều năm qua.

Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu

Vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, nhắc nhở những hộ dân không tập trung buôn bán hàng rong trước cổng trường tránh ùn tắc giao thông.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của trường.

Trường có đầy đủ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học trong trường để phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên; đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở.

Điểm yếu cơ bản:

Công tác đánh giá, rà soát để thực hiện bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ Trường tiểu học (bình quân 45,56 học sinh/lớp).

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý đạt trình độ đại học sư phạm, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, năng nổ, nhiệt tình, được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học.

Đội ngũ giáo viên nhà trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, gắn bó với nghề, hết lòng vì học sinh và sự nghiệp giáo dục của nhà trường. Đội ngũ nhân viên nhà trường có đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có ý thức làm việc nghiêm túc.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và của pháp luật. Các em thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt Chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt Chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn theo quy định. Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 14 năm thì được bổ nhiệm, phó hiệu trưởng 1 có số năm giảng dạy 07 năm và phó hiệu trưởng 2 có số năm giảng dạy là 22 năm [H2-2.1-01].

b) Hàng năm, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá đạt theo Chuẩn hiệu trưởng, đánh giá công chức, viên chức theo quy định Luật công chức, viên chức và Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính Phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính Phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều có trình độ trung cấp chính trị; Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp cử nhân quản lý giáo dục, 01 phó hiệu trưởng đang theo học lớp Thạc sĩ quản lý giáo dục [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]. Cán bộ quản lý đang theo học nâng chuẩn tiếng Anh theo lộ trình của Luật Giáo dục năm 2019.

Mức 2:

a) Năm học 2023-2024, cán bộ quản lý trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được đánh giá Chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị theo quy định; được sự tin tưởng, tín nhiệm cao trong toàn trường [H2-2.1-02]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 3:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại khá [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý có trình độ đạt chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia học nâng cao trình độ Thạc sĩ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường; phát huy tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý tại đơn vị. Từ tháng 07 năm 2024, hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng sắp xếp công việc để đăng ký tham gia lớp học nâng cao trình độ Thạc sĩ quản lý giáo dục.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) *Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*

b) *100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

c) *Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

a) *Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến*

thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023 - 2024, trường có 50 lớp trong đó có 43 lớp học bán trú và 07 lớp học 01 buổi/ngày. Tổng số giáo viên là 70 người gồm 50 giáo viên chủ nhiệm và 18 giáo viên bộ môn. Nhà trường có 01 giáo viên làm công tác Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, 1 giáo viên làm chuyên trách phổ cập [H1-1.8-01]; [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định là 97,14% [H2-2.2-03].

c) Trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá giáo viên theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Trong các năm học, 100% giáo viên đạt loại khá trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

- a) Số lượng giáo viên đạt trình độ chuẩn là 68/70 giáo viên, tỷ lệ 97,14%. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo luôn được duy trì ổn định và tăng dần trong những năm qua [H2-2.2-03].
- b) Bên cạnh đó, 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên [H2-2.2-04].
- c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H1-1.6-12].

Mức 3

- a) Tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có 02 giáo viên có bằng Cao đẳng sư phạm, 68 giáo viên có bằng Cử nhân nên chưa đảm bảo tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 hiện hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2020 [H2-2.2-03].
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên; 15,87% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt, chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; 100% giáo viên được xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 chưa được đảm bảo theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng nhà trường thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên được học tập để nâng cao trình độ đào tạo đạt trên chuẩn theo quy định của Luật Giáo

dục năm 2019. Bên cạnh đó, hiệu trưởng tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Luật Giáo dục năm 2019 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Hiện tại, trường có 09 giáo viên đang học Đại học để nâng cao trình độ, dự kiến năm 2022 sẽ hoàn thành và 02 giáo viên đã đăng ký chờ khóa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đội ngũ nhân viên của trường được hiệu trưởng phân công để đảm nhiệm các nhiệm vụ có liên quan; tổ văn phòng của trường có 17 người gồm 01 chuyên trách thư viện, 01 phụ trách thiết bị, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên học vụ, 01 nhân viên hỗ trợ khuyết tật; 01 nhân viên phụ trách y tế, 06 bảo vệ và 03 phục vụ; trong đó chỉ có 04 người thuộc

định biên, số còn lại trường hợp đồng khoán; bên cạnh đó, hiệu trưởng còn phân công giáo viên và nhân viên kiêm nhiệm công tác khác để đảm bảo tốt các hoạt động của nhà trường như: quản lý trang thông tin điện tử; báo cáo điện tử [H2-2.3-01].

b) Các nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, y tế... được Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực cá nhân [H1-1.8-01].

c) Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-04]. Nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H2-2.3-04]; đảm bảo các chế độ chính sách như cấp phát đầy đủ, cập nhật kịp thời các quyết định lương, sổ bảo hiểm xã hội [H1-1.6-13].

Mức 2:

a) Trường đảm bảo đủ số lượng cho từng vị trí theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

Tổ văn phòng có 17 người gồm 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên học vụ, 01 nhân viên hỗ trợ khuyết tật; 01 nhân viên phụ trách y tế, 06 bảo vệ và 03 phục vụ [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỷ luật [H1-1.1-02]; [H1-1.6-12].

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên tuy được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực chuyên môn nhưng trình độ của một số nhân viên chưa đảm bảo theo vị trí công việc như nhân viên học vụ, nhân viên thiết bị chưa có chứng chỉ. Nhà trường hiện đang hợp đồng khoán việc nhân viên chuyên trách công tác y tế, thủ quỹ, chưa đảm bảo số lượng nhân viên theo đề án vị trí việc làm [H2-2.3-03]; [H2-2.2-03].

b) Đội ngũ nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khoá, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm.

2. Điểm mạnh

Nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt.

Nhân viên tổ văn phòng đầy đủ về số lượng, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

3. Điểm yếu

Nhà trường hiện đang hợp đồng khoán việc nhân viên chuyên trách công tác y tế, thiết bị, chưa đảm bảo số lượng nhân viên theo đề án vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức ở vị trí chuyên trách y tế, thủ quỹ theo quy định. Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, đồng thời trường phối kết hợp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt các công việc hỗ trợ cho công tác giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Trường tiểu học (từ 06 đến 14 tuổi và tính theo năm); tuổi vào học lớp 1 là 06 tuổi; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 07 đến 09 tuổi, không có học sinh học sớm tuổi. Toàn trường gồm có 2660 học sinh, trong đó có 09 học sinh khuyết tật [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các học sinh khác nhưng chưa cao. Học sinh không thực hiện những hành vi không được làm theo Điều 34 của Điều lệ Trường tiểu học [H2-2.4-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường chú ý rèn luyện, giáo dục năng lực phẩm chất cho học sinh. Các trường hợp học sinh vi phạm được giáo viên, nhà trường phát hiện kịp thời để có biện pháp giáo dục phù hợp [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]. Tuy nhiên năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt việc nêu gương học sinh có thành tích học tập, rèn luyện để làm động lực cho những học sinh noi theo, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục chung của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định. Học sinh không thực hiện những hành vi không được làm theo Điều 37 của Điều lệ Trường tiểu học.

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Các bộ phận trong nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ trong việc đảm bảo quyền của học sinh theo quy định, tạo điều kiện cho các em được phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu năm học 2023-2024, hiệu trưởng thường xuyên liên hệ các trung tâm Kỹ năng sống, tổ chức các chuyên đề ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm để được rèn luyện tư vấn và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên dạy bộ môn, bảo mẫu của lớp và nhân viên hỗ trợ giáo dục theo dõi, uốn nắn học sinh trong mọi hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý có trình độ đạt chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường.

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; 100% giáo viên được xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

Trường có đội ngũ nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo quy định.

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia học nâng cao trình độ Thạc sĩ.

Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 chưa được đảm bảo theo quy định.

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương; có đủ các phòng học, đảm bảo cho học sinh học 2 buổi/ngày ở cơ sở 1 và 1 buổi/ngày cơ sở 2. Trường có 10 khu vệ sinh riêng biệt; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định đối với thư viện.

Thiết bị giáo dục luôn đảm bảo, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ. Ngoài ra, trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả. Hàng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khuôn viên trường có diện tích là 8673 m² [H1-1.6-14], trồng nhiều cây xanh đảm bảo: xanh, sạch, đẹp và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên của trường có tường xây bảo vệ cao 02 m; cổng trường và tường rào đảm bảo an toàn, thẩm mỹ [H3-3.1-01]. Cổng trường rộng, có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Điều lệ Trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình là 1606,53 m²; diện tích sân chơi, sân vườn của trường là 1916,13 m² chiếm 22,09% so với diện tích toàn trường. Diện tích khuôn viên, sân chơi chưa đảm bảo theo quy định [H1-1.6-14]. [H1-3.1-01]; [H3-3.1-03].

b) Diện tích sân chơi, sân tập của trường tuy nhỏ nhưng đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có sân chơi, sân tập, có cây xanh che bóng mát cho học sinh. Tuy nhiên, trường chưa trang bị đồ chơi, thiết bị vận động trong sân chơi, sân tập [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường. Công trường an toàn, thẩm mỹ, biển tên trường rõ ràng. Các hạng mục xây dựng đảm bảo an toàn và thẩm mỹ và có sân đủ rộng để học sinh vui chơi và tập thể dục.

3. Điểm yếu

Diện tích xây dựng công trình, diện tích sân chơi, sân tập chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục quan tâm xây dựng cảnh quan trường học, đầu tư thêm trang thiết bị tập luyện và đồ chơi cho học sinh, thực hiện tuyển sinh học sinh đúng kế hoạch, đảm bảo sĩ số 35 học sinh/lớp để đảm bảo diện tích trường đạt 6m²/học sinh theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) *Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) *Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) *Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có 44 phòng học, mỗi lớp 1 phòng học riêng; phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học; các phòng học đều có diện tích là 54 m² đúng theo quy định [H1-1.6-07]; [H3-3.2-01].

b) Mỗi phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế học sinh theo đúng tiêu chuẩn, có bàn ghế cho giáo viên theo quy định. Bảng lớn trong mỗi phòng có màu xanh, kích thước là 1,2 m x 3,6 m. Cách treo bảng trong lớp học được đảm bảo

quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế [H3-3.2-01]; [H1-1.6-07]. Bên cạnh đó, trường còn trang bị cho các lớp ảnh Bác, bảng 05 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc thư viện cho mỗi phòng học [H3-3.2-01].

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học cho giáo viên [H1-1.6-07]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đồng đều là 54 m^2 . Đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793:2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn $1,25 \text{ m}^2/\text{học sinh}$ và số lượng sĩ số học sinh hiện nay thì diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy định [H1-1.6-07]; [H3-3.2-01].

b) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị và tủ đựng thiết bị cho việc dạy và học [H3-3.2-01].

c) Nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc bàn ghế học sinh trong lớp [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường có trang bị 01 phòng giảng dạy tin học nhưng chưa bố trí các phòng riêng biệt dạy Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKH-CN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Y tế về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

3. Điểm yếu

Trường chưa bố trí các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, trường đều có kế hoạch thực hiện tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giáo dục phục vụ các hoạt động giáo dục. Hàng tuần, nhân viên phụ trách thiết bị dạy học phối hợp với giáo viên sắp xếp và cung cấp thiết bị, đồ dùng dạy học để học sinh có thể học tập tốt các môn Khoa học, Âm nhạc, Mỹ thuật tại lớp trong điều kiện trường chưa có phòng học bộ môn riêng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có các phòng chức năng phục vụ việc giảng dạy và giáo dục học sinh gồm phòng tin học 54 m², phòng thiết bị giáo dục 59 m², phòng thư viện 161 m², phòng Giáo dục nghệ thuật 20 m², phòng truyền thống và hoạt động Đội 24 m² [H3-3.1-03]; [H3-3.2-02].

b) Khối phòng hành chính - quản trị của trường gồm có phòng hiệu trưởng 27 m², phó hiệu trưởng 24 m², phòng hoạt động Đội 24 m², văn phòng 54 m², phòng y tế 24 m², phòng giáo viên 54 m², 01 phòng bảo vệ 12 m² [H3-3.1-03]; [H3-3.2-02].

c) Trường có khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên với diện tích 240m². Khu để xe an toàn, thực hiện tốt khâu bảo vệ trong việc bảo quản xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ và phòng y tế đảm bảo theo quy định của Tiêu chuẩn Quốc gia 8793:2011; khu bếp, nhà ăn đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-03]. Tuy nhiên diện tích nhà ăn 400m² chưa đáp ứng số lượng học sinh tham gia học bán trú tại trường.

b) Hồ sơ, tài liệu, các văn bản đều được lưu trữ cẩn thận trong tủ hồ sơ tại phòng hành chính [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].

Mức 3:

Nhà trường chú ý trang bị đầy đủ các trang thiết bị cho khối phòng phục vụ học tập, hành chính - quản trị; đáp ứng tốt việc hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của nhà trường [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Diện tích nhà ăn chưa đáp ứng số lượng học sinh tham gia bán trú tại trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường tích cực tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đề nghị Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, có kế hoạch mở rộng diện tích nhà bếp, nhà ăn đáp ứng việc phục vụ học sinh bán trú của trường. Hằng năm nhà trường có kế hoạch bổ sung, trang bị đầy đủ các thiết bị khối phòng hành chính để phục vụ công tác quản lý, đảm bảo học sinh được học 2 buổi/ngày theo quy định của chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khu vệ sinh nam/nữ riêng dành cho giáo viên, nhân viên, học sinh được đặt tại những vị trí phù hợp, thuận tiện, đảm bảo an toàn và sạch sẽ; có lối đi vệ sinh riêng dành cho học sinh khuyết tật học hòa nhập đảm bảo thuận lợi khi sử dụng [H3-3.4-01].

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường không ngập úng; nhà trường sử dụng hệ thống nước máy do Công ty Cấp nước Trung An cung cấp; đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ cho ăn uống, nhu cầu sử dụng hàng ngày; đảm bảo an toàn vệ sinh [H3-3.4-02].

c) Trường thực hiện tốt việc thu gom rác và xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có bố trí địa điểm tập kết rác thải và thời gian thu gom rác hợp lý, đúng theo kế hoạch nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của trường. Tuy nhiên, việc phân loại rác thải chưa đạt hiệu quả cao do học sinh chưa thực hiện tốt khâu phân loại [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Tổng diện tích khu vực vệ sinh là 266 m² đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của TCVN 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh [H3-3.1-03]. Đồng thời, các yêu cầu khác về số lượng hố xí, chậu tiểu, bồn rửa cũng đảm bảo theo quy định [H3-3.4-01].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước thủy cục và sử dụng hệ thống nước giếng khoan [H3-3.4-02]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Trường có khu vệ sinh và trang bị các thiết bị vệ sinh phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo diện tích tối thiểu và số lượng các trang thiết bị vệ sinh cần thiết.

Hệ thống cấp, thoát nước và thu gom rác đảm bảo theo quy định và vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Việc phân loại rác thải chưa đạt hiệu quả cao do học sinh chưa thực hiện tốt việc phân loại rác thải tại nguồn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong mỗi năm học, nhà trường tự kiểm tra thường xuyên và có kế hoạch sửa chữa nhỏ, có văn bản đề nghị bộ phận phụ trách cơ sở vật chất Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện khảo sát và cấp kinh phí sửa chữa, tu bổ các công trình vệ sinh đảm bảo tốt phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Từ tháng 9 năm 2023, Chi đoàn phối hợp với Tổng phụ trách Đội, nhân viên y tế và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn học sinh phân loại rác thải tại nguồn trong các tiết sinh hoạt tập thể dưới cờ, tiết sinh hoạt lớp và các buổi hoạt động ngoại khóa ngoài giờ lên lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng

giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như máy tính kết nối mạng Internet, máy in, máy photocopy... phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.5-01]; [H1-3.2-02].

b) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục dạy học tối thiểu cấp Tiểu học và Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 04 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1, 2. Bộ đồ dùng dạy học do kinh phí cấp được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng. Số lượng máy chiếu của trường hiện có là 04 máy cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy của giáo viên trong nhà trường. [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, nhân viên thiết bị xây dựng kế hoạch bổ sung thiết bị, thực hiện tốt việc kiểm kê và có đề xuất với Hiệu trưởng để sửa chữa đồ dùng, thiết bị dạy học bị hư hỏng [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ mạng Internet cho hệ thống máy tính nhằm phục vụ công tác học tập và hỗ trợ hoạt động dạy học [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục quy định. Tuy nhiên, số lượng thiết bị dạy học chưa nhiều để đảm bảo việc giảng dạy của nhiều giáo viên cùng một lúc. Số lượng tivi còn ít, chưa đảm bảo mỗi phòng học có 01 tivi phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Trên cơ sở thực hiện việc kiểm kê, đánh giá hiện trạng các thiết bị; nhân viên thiết bị xây dựng kế hoạch tổ chức cho giáo viên thi làm đồ dùng dạy học, lập kế hoạch mua sắm, bổ sung thiết bị, phương tiện dạy học hằng năm [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Ngoài việc khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học được trang bị, trường khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các thiết bị, đồ dùng tự làm này cùng với thiết bị sẵn có đã góp phần nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong việc dạy học [H1-1.4-05]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và đủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

3. Điểm yếu

Số lượng tivi cũ nhiều chưa đáp ứng cho việc ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, bộ phận thiết bị lập kế hoạch mua sắm bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời thúc đẩy giáo viên sử dụng hiệu quả các trang thiết bị hiện đại đã được đầu tư.

Hiệu trưởng nhà trường tăng cường vận động xã hội hóa giáo dục và ưu tiên đầu tư mua sắm thêm các trang thiết bị nghe nhìn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.***Tiêu chí 3.6: Thư viện*****Mức 1:**

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị các loại báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi, ngoài ra còn có tủ sách pháp luật, tủ sách đạo đức,... đủ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường sử dụng vào việc tham khảo và nghiên cứu một cách thường xuyên [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch, nội dung hoạt động phù hợp, mở cửa thường xuyên đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; học sinh thích đọc các loại truyện hơn là sách cảm thụ văn học. Hằng năm, thư viện tổ chức các hội thi kể chuyện theo chủ đề, triển lãm trưng bày sách mới, vẽ tranh theo chủ điểm, kể chuyện Bác Hồ, ngày hội đọc sách, vận động học sinh đóng góp sách, truyện,... tạo sự phong phú, đa dạng cho hoạt động thư viện nhằm thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H3-3.5-05]; [H3-3.6-02].

c) Nhân viên thư viện thường xuyên thực hiện kiểm kê, báo cáo số liệu đầu sách, báo, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham

khảo; đề xuất trường trích ngân sách Nhà nước mua thêm sách, báo, truyện, tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo khác để bổ sung cho tủ sách thư viện [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện được đặt ở nơi thuận tiện nhằm phục vụ học sinh, giáo viên và nhân viên với diện tích phòng là 161 m², nhân viên thư viện có bằng cử nhân chuyên ngành Thư viện – Thông tin học. Trong 05 năm qua, thư viện của trường được công nhận là thư viện xuất sắc [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện xuất sắc Thành phố. Thư viện có máy tính đã được kết nối Internet đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, phục vụ hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Tuy nhiên, nhà trường chưa vận dụng phần mềm trong quản lý thư viện điện tử [H3-3.6-03]; [H3-3.6-05]; [H3-3.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, ngoài ra còn bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Số lượng tivi cũ nhiều chưa đáp ứng cho việc ứng dụng tốt trong việc thực hiện thư viện số, thư viện thông minh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, bộ phận thiết bị lập kế hoạch mua sắm bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời thúc đẩy giáo viên sử dụng hiệu quả các trang thiết bị hiện đại đã được đầu tư. Ngoài ra, Hiệu trưởng nhà trường tăng cường vận động xã hội hóa giáo dục và ưu tiên đầu tư mua sắm thêm các trang thiết bị nghe nhìn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có khuôn viên đẹp, gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có nhiều cây xanh và cảnh quan môi trường tốt; sân trường xanh, sạch, an toàn.

Trường trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Y tế về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Trường có trang bị khu vệ sinh phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; hệ thống cấp, thoát nước và thu gom rác đảm bảo theo quy định.

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường có thư viện và trang bị nhiều đầu sách báo phục vụ tối thiểu hoạt động dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện của trường đạt danh hiệu xuất sắc nhiều năm liền.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích xây dựng công trình, diện tích sân chơi, sân tập chưa đảm bảo theo yêu cầu của TCVN 8793:2011.

Trường chưa đảm bảo đủ số phòng cho mỗi lớp học 2 buổi/ngày, diện tích phòng học so với số học sinh chưa đảm bảo.

Nhà trường chưa sử dụng hệ thống quản lý thư viện điện tử.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy xã Xuân Thới Thượng; phối hợp tốt với Ủy ban nhân dân, các đoàn thể xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, từng lớp và được bầu ra vào đầu năm học [H4-4.1-01].

- Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học [H4-4.1-01].

c) Trên cơ sở kế hoạch và chương trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã tổ chức thực hiện các kế hoạch theo đúng tiến độ đã đề ra. Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có hiệu quả [H1-1.1-02]. Định kỳ 03 lần trong năm học, trường tổ chức họp với tất cả cha mẹ học sinh trong lớp. Hàng tháng, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh thường xuyên trao đổi thông tin đầy đủ về tình hình học tập, đạo đức và các hoạt động khác của từng học sinh qua sổ liên lạc, điện thoại. Cha mẹ học sinh có thể gặp gỡ trực tiếp giáo viên hoặc cán bộ quản lý khi có vấn đề thắc mắc cần trao đổi, chia sẻ sau giờ lên lớp [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục cho học sinh của trường; hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; huy động, vận động học sinh tích cực học tập [H1-1.1-02]. Các hoạt động do Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã

mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung. Tuy nhiên, còn tồn tại Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một vài lớp chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm trong hoạt động [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ngoài việc phối hợp có hiệu quả với nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp tốt với chính quyền địa phương nơi nhà trường trú đóng nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sự phạm lành mạnh; góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

Cha mẹ học sinh nhiệt tình, quan tâm đến các hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh ở vài lớp chưa chủ động tham mưu đóng góp ý kiến còn thụ động và hoạt động chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tới, hiệu trưởng vận động Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp tham gia đầy đủ các buổi họp định kỳ và chủ động góp ý xây dựng các hoạt động giáo dục của trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có kế hoạch phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Nhà trường đã tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng để thành lập Hội đồng giáo dục [H4-4.2-01]. Hàng tháng, Chi bộ, cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên báo cáo, trao đổi về kế hoạch và các biện pháp hoạt động giáo dục cụ thể của nhà trường với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng [H4-4.2-02].

b) Chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2021-2025 được nhà trường niêm yết công khai tại trường và gửi cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể của địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-01].

Nhà trường tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm các lớp triển khai kế hoạch năm học của nhà trường, kế hoạch giảng dạy và giáo dục học sinh, cách đánh giá học sinh tiểu học đến toàn thể cha mẹ học sinh trong phiên họp đầu năm của lớp để cùng tham gia góp ý và hỗ trợ thực hiện [H1-1.5-04];[H4-4.1-02].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện cả về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của giáo viên và học sinh, phát triển nhà trường như: sửa chữa bàn, ghế, mua sắm đèn, quạt, đầu tư thêm các loại sách tại thư viện,... Vì thế, cơ sở vật chất nhà trường luôn khang trang, sạch đẹp [H4-4.2-03]. Trường có phối hợp với Chi hội Khuyến học của trường để chăm lo kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, công tác này chưa được hỗ trợ, chăm lo cho nhiều học sinh vì gặp khó khăn về kinh phí [H4-4.2-04].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ. Trước khi triển khai thực hiện các hoạt động tại trường, cán bộ quản lý nhà trường luôn thực hiện việc xin ý kiến chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động đã được thông qua nhằm đảm bảo tính thống nhất, lãnh đạo xuyên suốt từ cấp trên [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-04]; [H4-4.2-02].

b) Trường được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, quan hệ chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương trong việc tuyên truyền, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục qua các hoạt động ngoại khóa như: tham quan Khu tưởng niệm lịch sử Ngã Ba Giồng; giao lưu và tặng quà cho Trung tâm dạy nghề nhân đạo; phối hợp với Ban chấp hành Đoàn xã tổ chức lễ hội trăng rằm và sinh hoạt hè cho các em thiếu nhi,... lồng ghép nội dung kiến thức lịch sử,

địa lý địa phương vào các tiết dạy trong nhà trường. Công tác phối hợp giữa chính quyền với công đoàn, chi đoàn được đánh giá, ghi nhận sau mỗi năm học. Hằng năm, nhà trường tổ chức cho học sinh cùng cán bộ, giáo viên, nhân viên đến thăm hỏi, tặng quà và chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với đất nước, Bà mẹ Việt Nam anh hùng [H1-1.1-02]; [H1-1.3-08]; [H1-1.6-13].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

Cha mẹ học sinh nhiệt tình, quan tâm đến các hoạt động của trường.

Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Ban đại diện cha mẹ học sinh ở vài lớp chưa chủ động tham mưu đóng góp ý kiến còn thụ động và hoạt động chưa hiệu quả.

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, trường đã triển khai thực hiện các nội dung, chương trình giáo dục và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường tổ chức hiệu quả các đợt hội giảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền địa phương để thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Nhà trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục đáp ứng đúng yêu cầu của các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hàng năm, nhà trường đánh giá học sinh theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một

số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với lớp 3, 4, 5) và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (đối với lớp 1,2) về hoạt động giáo dục, phẩm chất và năng lực. Trong năm học, nhà trường tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, tạo điều kiện cho các em học sinh tiến bộ về phẩm chất, năng lực và hoàn thành chương trình lớp học.

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá cũng như việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các tiết dạy và hoạt động ngoài giờ lên lớp; làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho học sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

- a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) *Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) *Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) *Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông và các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H1-1.1-03]; [H5-5.1-01].

b) Kế hoạch được xây dựng đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và ngoài giờ lên lớp, được triển khai cụ thể trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn tổ, được tổ chức qua các hoạt động do Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội tổ chức [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của trường được xây dựng và gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn đối với hoạt động của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

a) Trường luôn triển khai các thông tin mới, thông tin cập nhật của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được biết và thực hiện [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04].

b) Kế hoạch giáo dục và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đều được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-04]. Việc công khai, phổ biến kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa được sự quan tâm của phần lớn cha mẹ học sinh.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quy định chuyên môn đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn kiểm tra, phê duyệt.

Các kế hoạch được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, việc công khai, phổ biến kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa được sự quan tâm của phần lớn cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tăng cường công tác tuyên truyền và đổi mới hình thức phổ biến, công khai để thu hút sự quan tâm, phối hợp, hỗ trợ, giám sát của cha mẹ học sinh và cộng đồng qua trang thông tin điện tử của trường, qua hệ thống tin nhắn Zalo, Facebook; qua ứng dụng liên lạc điện tử - eNetViet; sổ liên lạc truyền thống,...

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

- a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*
- b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*
- c) *Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

Mức 2:

- a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*
- b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức và kỹ năng [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01].

b) Trong những năm học vừa qua, trường đã triển khai đến các giáo viên việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức lớp học theo mô hình trường tiểu học mới phù hợp với từng đối tượng học sinh [H1-1.1-02]. Tuy nhiên, giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học mới [H1-1.8-02].

c) Trường triển khai đến toàn thể giáo viên thực hiện quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo tinh thần Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học. Trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của giáo viên [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

a) Trường luôn chú trọng việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã đề ra; triển khai đến toàn thể giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp; chú ý đến từng đối tượng để đạt được kết quả giáo dục tốt nhất [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Căn cứ vào việc bàn giao chất lượng giáo dục đầu năm, trường và các tổ khối xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp cùng với cha mẹ học

sinh trong việc theo dõi, kiểm tra việc học của học sinh thông qua nhiều hình thức liên lạc [H5-5.2-03].

Mức 3:

Trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung, thay đổi nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học.

3. Điểm yếu

Giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kĩ thuật, phương pháp dạy học mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục phân hóa theo nhu cầu, sở trường của học sinh.

Phó hiệu trưởng và tổ chuyên môn tiếp tục bồi dưỡng, tư vấn giáo viên bằng nhiều hình thức như: chuyên đề, thao giảng, hướng dẫn đồng nghiệp... giúp giáo viên nâng cao hiệu quả vận dụng việc đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học và hình thức dạy học nhằm phát huy tối đa sự chủ động và tích cực của học sinh, phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) *Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

c) *Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giảng dạy kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh cho từng khối lớp do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn ban hành và hướng dẫn [H5-5.3-01]. Thông qua việc giảng dạy các môn học, giáo viên thường xuyên lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho từng học sinh. Trường tăng cường giáo dục và rèn kỹ năng sống cho học sinh trong tiết sinh hoạt ngoại khóa. Tuy nhiên, do dịch bệnh đường hô hấp Covid-19 nên việc thực hiện kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp đôi khi chưa đúng thời gian [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, có chương trình và phân công cụ thể [H5-5.3-03].

b) Trong các tiết học, giáo viên thường xuyên sử dụng các hình thức tổ chức lớp học đa dạng, phong phú nhằm tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo. Tuy nhiên vẫn còn học sinh nhút nhát, thụ động khi tham gia vào các hoạt động [H5-5.3-04]; [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Trường đã tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh theo từng chủ điểm

như: thể dục giữa giờ, hội trại, hội khỏe Phù Đổng, giáo dục vệ sinh răng miệng, kể chuyện theo sách, văn nghệ, vẽ tranh, học sinh tham quan di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, ... [H5-5.3-02].

c) Tất cả các hoạt động đều thông báo rộng rãi và thu hút số lượng lớn học sinh đăng kí tham gia [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Các hoạt động được nhà trường tổ chức có hiệu quả, chú trọng đến việc tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động nhằm rèn luyện kỹ năng của bản thân [H5-5.3-01]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Nội dung và hình thức các hoạt động khi tổ chức đều chú ý đến nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh. Từ đó, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng, hình thành kỹ xảo. [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H5-5.3-03]. Tuy nhiên vẫn còn học sinh nhút nhát, thụ động khi tham gia vào các hoạt động.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, giáo dục trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.

3. Điểm yếu

Học sinh còn nhút nhát, thụ động khi tham gia vào các hoạt động.

Việc thực hiện kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp đôi khi chưa đúng thời gian.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên tiếp tục duy trì và thực hiện hiệu quả việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các em tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

Giáo viên chủ nhiệm lớp chủ động thực hiện kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với điều kiện của lớp, của trường.

Hiệu trưởng linh động lựa chọn các địa điểm phù hợp và chia làm nhiều đợt để tất cả các em đều tham gia đầy đủ các buổi hoạt động ngoại khóa tại địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) *Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) *Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) *Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

- a) *Tham gia thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương;*
- b) *Tổ chức và thực hiện “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động trẻ trong độ tuổi đi học;*
- c) *Có các biện pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật tới trường.*

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với địa phương tổ chức điều tra công tác phổ cập giáo dục tiểu học bằng hình thức kết hợp cùng Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng tiến hành điều tra trình độ văn hoá đến từng hộ dân, tuyên truyền để cha mẹ đưa con ra lớp đúng độ tuổi [H5-5.4-01]. Qua việc phối hợp trên, nhà trường đã nắm được cụ thể về số liệu, thông tin phổ cập giáo dục trên địa bàn. Từ đó, nhà

trường có kế hoạch phổ cập giáo dục phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02].

b) Hàng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh đúng độ tuổi theo phân tuyến trên địa bàn, theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng vào lớp 1, thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Tuy nhiên, do tình hình di dân cơ học nên nhà trường luôn bị áp lực về số lượng học sinh đầu cấp [H1-1.1-03].

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học [H5-5.4-03].

c) Trường thực hiện công tác quản lý hồ sơ phổ cập theo đúng quy định [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Mức 2:

a) Nhà trường tham gia thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương, được công nhận hoàn thành công tác phổ cập giáo dục đúng độ tuổi [H5-5.4-03].

b) Nhà trường thực hiện tốt việc huy động trẻ trong độ tuổi đi học. Cán bộ phụ trách công tác phổ cập của xã Xuân Thới Thượng cùng nhà trường thường xuyên có sự trao đổi về tình hình chung của học sinh, những trường hợp học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H5-5.4-02].

c) Quan tâm, duy trì tốt công tác chăm lo và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong tiếp thu, trong học tập, nhà trường tư vấn cho cha mẹ học sinh đưa học sinh đi khám, để xác định chỉ số thông minh theo lứa tuổi nhằm kết hợp tốt giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc hỗ trợ trẻ phát triển tâm sinh lý ngày càng tốt hơn. Qua đó, giáo viên có cơ sở để giúp đỡ học sinh khuyết tật học hòa nhập đạt hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hiện nay, một vài

giáo viên do thiếu kinh nghiệm nên chưa truyền đạt được kiến thức và hình thành tốt kỹ năng cho đối tượng học sinh này [H1-1.1-02]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 100% [H1-1.1-02]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học.

Quan tâm, duy trì tốt công tác chăm lo và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

3. Điểm yếu

Do tình hình di dân cơ học nên nhà trường luôn bị áp lực về số lượng học sinh đầu cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng và hội đồng trường tiếp tục phát huy các biện pháp đã đạt hiệu quả trong việc huy động các nguồn lực xã hội, phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ trong việc phân tuyến tuyển sinh đầu cấp, nhà trường phối kết hợp các trường trong cùng một xã để giải quyết các trường hợp học sinh vào đầu cấp cùng địa bàn khu dân cư nhằm đảm bảo số sĩ học sinh/lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 99% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Trong những năm học qua, tỷ lệ học sinh 11 tuổi của nhà trường hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo trên 99% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 100% [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt trên 99% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo trên 99% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 99% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 99% trở lên [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

3. Điểm yếu

Hàng năm vẫn còn khoảng 0,1% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng; dạy cá thể hóa học sinh khuyết tật hòa nhập nhằm nâng cao hơn nữa tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Kế hoạch chuyên môn của trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quy định chuyên môn.

Nhà trường xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, giáo dục trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học.

Quan tâm, duy trì tốt công tác chăm lo và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

Điểm yếu cơ bản:

Trường còn vài giáo viên lớn tuổi hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kĩ thuật, phương pháp dạy học mới.

Do tình hình di dân cơ học nên nhà trường luôn bị áp lực về số lượng học sinh đầu cấp.

Trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng đạt được kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 27/27 tỉ lệ: 100%
 - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/27 tỉ lệ: 00%
 - Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 21/27 tỉ lệ: 77,78%
 - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 05/27 tỉ lệ: 18,51%
 - Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 08/27 tỉ lệ: 29,63%
 - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 19/27 tỉ lệ: 70,37%
- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng: Mức 1;
- Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục hoàn thiện và cải tiến công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục để từng bước đưa nhà trường ngày một đi lên và phấn đấu đạt cấp độ cao hơn./.

Học Môn, ngày 10 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Đàm Thu Thảo

Phần IV. PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường	Năm học 2021-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.2	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục Kế hoạch giáo dục nhà trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2010-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Văn kiện Đại hội Chi bộ	Nhiệm kì 2017-2020 Nhiệm kì 2020-2022 Nhiệm kì 2022-2025	Chi bộ	Bí thư chi bộ
	5	[H1-1.1-05]	Kế hoạch, biên bản điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường	Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trưởng	Số 1059/QĐ-GDĐT ngày 22/03/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng

2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
3	[H1-1.2-03]	Kế hoạch hội thi, phong trào, quyết định khen thưởng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hội đồng trưởng	Thư kí Hội đồng trưởng

				Năm học 2023-2024		
5	[H1-1.2-05]	Biên bản họp của hội đồng trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hội đồng trường	Thư kí Hội đồng trường	
6	[H1-1.2-06]	Biên bản họp Hội đồng tư vấn, Hội đồng thi đua	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hội đồng trường	Thư kí Hội đồng trường	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01] Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn; Kế hoạch, biên bản họp công đoàn	Nhiệm kì 2019-2024	Liên đoàn Lao động	Chủ tịch CĐCS	

				huyện Học Môn	
2	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Chi đoàn	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ban chấp hành Đoàn xã Xuân Thới Thượng	Bí thư Chi đoàn
3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban Chỉ huy Liên đội; Kế hoạch phong trào Đoàn, Đội	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hội đồng Đội huyện Học Môn	Tổng phụ trách
4	[H1-1.3-04]	Quyết định thành lập Sao Nhi đồng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Tổng phụ trách

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
5	[H1-1.3-05]	Quyết định thành lập Ban chấp hành Chi hội Khuyến học Xuân Thới Thượng		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hội Khuyến học xã Xuân Thới Thượng	Hiệu trưởng
6	[H1-1.3-06]	Quyết định Chuẩn y cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng Hồ sơ đảng viên		Số 167-QĐ/ĐU ngày 30/01/2020	Đảng ủy xã Xuân Thới Thượng	Bí thư chi bộ
7	[H1-1.3-07]	Biên bản sinh hoạt Chi bộ		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chi bộ	Bí thư chi bộ

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
8	[H1-1.3-08]	Báo cáo tổng kết công tác Đảng và phương hướng		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chi bộ	Bí thư chi bộ
9	[H1-1.3-09]	Thông báo kết quả đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Đảng ủy xã Xuân Thới Thượng	Bí thư chi bộ

10	[H1-1.3-10]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Công đoàn cơ sở trường	Chủ tịch Công đoàn cơ sở
11	[H1-1.3-11]	Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên đội	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chi đoàn Liên đội	Bí thư Chi đoàn Tổng phụ trách Đội
12	[H1-1.3-12]	Quyết định công nhận xuất sắc của Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Công đoàn cơ sở Chi đoàn	Chủ tịch Công đoàn cơ sở

				Năm học 2023-2024	Liên đội	Bí thư Chi đoàn Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	Số: 2539/QĐ-GDDĐT ngày 21/6/2021	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
			Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	Số: 2441/QĐ-GDDĐT ngày 20/5/2020		
			Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	Số: 2997/QĐ-UBND ngày 19/8/2021		
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		

3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng, tổ phó tổ văn phòng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
4	[H1-1.4-04]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch, biên bản họp tổ chuyên môn	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn

				Năm học 2023-2024		
6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ tổ chức chuyên đề.		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
7	[H1-1.4-07]	Kế hoạch, biên bản họp tổ văn phòng		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng tổ văn phòng	Nhân viên văn thư
8	[H1-1.4-08]	Sổ bồi dưỡng chuyên môn giáo viên		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Giáo viên	Phó hiệu trưởng phụ trách

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		chuyên môn
9	[H1-1.4-09]	Sổ sử dụng thiết bị của giáo viên		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Nhân viên thiết bị
10	[H1-1.4-10]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

11	[H1-1.4-11]	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng tài chính huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
12	[H1-1.4-12]	Hồ sơ xếp loại công chức, viên chức	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
13	[H1-1.4-13]	Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Nhân viên văn thư

					Năm học 2023-2024			
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách lớp, Bảng theo dõi kết quả giáo dục.		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó trưởng chuyên môn	
	2	[H1-1.5-02]	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó trưởng chuyên môn	
	3	[H1-1.5-03]	Biên bản bầu Ban cán sự lớp		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư	

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
4	[H1-1.5-04]	Số chủ nhiệm giáo viên		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
1	[H1-1.6-01]	Số đăng bộ		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
2	[H1-1.6-02]	Số phổ cập giáo dục tiểu học		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chuyên trách giáo dục xã	Hiệu trưởng

**Tiêu
chí 1.6**

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Xuân Thới Thượng	
3	[H1-1.6-03]	Học bạ		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Nhân viên văn thư
4	[H1-1.6-04]	Số họp Hội đồng sư phạm nhà trường		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

5	[H1-1.6-05]	Hình ảnh phần mềm quản lý CB - GV - NV (2C)	Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
6	[H1-1.6-06]	Sổ khen thưởng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Nhân viên văn thư
7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
8	[H1-1.6-08]	Sổ công văn đến	Năm học 2019-2020	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư

				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
9	[H1-1.6-09]	Sổ công văn đi		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
10	[H1-1.6-10]	Biên bản kiểm tra tài chính		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Tài chính huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán

11	[H1-1.6-11]	Báo cáo Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ban chấp hành Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
12	[H1-1.6-12]	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ban Thanh tra nhân dân	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
13	[H1-1.6-13]	Báo cáo của Công đoàn trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Ban Chấp hành Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn

			Năm học 2023-2024		
14	[H1-1.6-14]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, báo cáo cơ sở vật chất trên trang thông tin điện tử trường.	1686/BB-STC ngày 31/12/2007	Sở tài nguyên và môi trường	Hiệu trưởng
15	[H1-1.6-15]	Biên bản thanh lý tài sản	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng phụ trách hành chính	Phó hiệu trưởng phụ trách hành chính
16	[H1-1.6-16]	Hình chụp trang thông tin điện tử trường	Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn

Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ hợp đồng, tuyển dụng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Bảng phân công chuyên môn Quyết định phân công đầu năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn

				Năm học 2023-2024		
2	[H1-1.8-02]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm, Hội đồng thi đua, báo cáo Sơ kết		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
4	[H1-1.8-04]	Báo cáo tổng kết công tác Kiểm tra nội bộ		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
5	[H1-1.8-05]	Bằng khen với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân thành phố	Hiệu trưởng
6	[H1-1.8-06]	Danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến, xuất sắc		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
1	[H1-1.9-01]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
Tiêu chí 1.9						

Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng cảnh sát chữa cháy huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng phụ trách hành chính
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng phụ trách hành chính

				Năm học 2023-2024		
4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng, chống ma túy		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự tại trường Tiểu học		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng hành chính
6	[H1-1.10-06]	Quy chế phối hợp an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Công an xã Xuân Thới Thượng	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	7	[H1-1.10-07]	Báo cáo Quy chế phối hợp tình hình an ninh trật tự	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ Viên chức của, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hàng năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
3	[H2-2.1-03]	Các hình thức khen thưởng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Nhân viên văn thư
4	[H2-2.1-04]	Bảng cử nhân quản lý giáo dục, Trung cấp lý luận chính trị và quản lý hành chính nhà nước	Năm 2020, 2021; 2022; 2023	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hóc	Nhân viên văn thư

					Môn, trưởng BDGD	
5	[H2-2.1-05]	Giấy chứng nhận lớp cán bộ quản lý, bằng cử nhân quản lý	Năm 2020, 2021;2022; 2023	Trường Đại học Sài Gòn	Nhân viên văn thư	
1	[H2-2.2-01]	Văn bằng, chứng chỉ bộ môn	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên văn thư	
2	[H2-2.2-02]	Quyết định phân công Tổng phụ trách	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	
3	[H2-2.2-03]	Bảng tổng hợp trình độ Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư	

**Tiêu
chí 2.2**

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	4	[H2-2.2-04]	Hồ sơ đánh giá xếp loại giáo viên	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định phân công nhân sự	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

2	[H2-2.3-02]	Quyết định điều động viên chức làm công tác thư viện, kế toán, y tế, văn thư, học vụ, khuyết tật	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
3	[H2-2.3-03]	Văn bằng của nhân viên Chứng chỉ bồi dưỡng nhân viên	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên văn thư
4	[H2-2.3-04]	Hồ sơ đánh giá xếp loại nhân viên	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Danh sách học sinh các lớp có thông tin về năm sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Nhân viên văn thư
	2	[H2-2.4-02]	Thống kê hạnh kiểm, phẩm chất năng lực học sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn

Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Ảnh chụp khuôn viên có cây xanh trong trường, tường rào quanh trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổng phụ trách	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp cổng trường, hình ảnh mặt trước của sảnh trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách	Hiệu trưởng
	3	[H3-3.1-03]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
	4	[H3-3.1-04]	Ảnh sân chơi bãi tập thể dục, hoạt động phong trào trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh lớp học	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	2	[H3-3.2-02]	Biên bản kiểm kê tài sản	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

					Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh chụp hồ sơ lưu trữ		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Sơ đồ khu nhà vệ sinh của nhà trường		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng cấp nước sạch Ảnh chụp hệ thống thoát nước	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Công ty cấp nước Trung An, TTYT	Nhân viên y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác Ảnh chụp điểm tập kết rác	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán

				Năm học 2023-2024		
2	[H3-3.5-02]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
4	[H3-3.5-04]	Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	5	[H3-3.5-05]	Kế hoạch hoạt động Thư viện- thiết bị	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện- thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục các loại sách, báo, tài liệu	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Số theo dõi việc cho mượn sách	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
3	[H3-3.6-03]	Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện nhà trường hàng năm		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
4	[H3-3.6-04]	Hoa đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho		Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện

	5	[H3-3.6-05]	Giấy chứng nhận thư viện xuất sắc	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản các cuộc họp Cha mẹ học sinh các lớp	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 4.2	3	[H4-4.1-03]	Sổ tiếp công dân	Năm học 2023-2024		
				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	1	[H4-4.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng Giáo dục	Năm học 2022- 2023; 2023- 2024	Hội đồng giáo dục xã XTT	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Biên bản họp chi bộ	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ

Tiêu chí 5.1	3	[H4-4.2-03]	Danh sách phụ huynh học sinh đóng góp các công trình	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Nhân viên kế toán
	4	[H4-4.2-04]	Danh sách học sinh nhận học bổng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng- Tổng phụ trách	Hiệu trưởng- Tổng phụ trách
	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó trưởng chuyên môn

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Thời khóa biểu	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.2-02]	Hệ thống quản lý giáo dục (công điện tử)	Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H5-5.2-03]	Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu của Phó hiệu trưởng và Tổ chuyên môn	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn

Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch rèn luyện kỹ năng sống tuần, tháng	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chuyên môn

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch tuyển sinh	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh hàng năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn

	2	[H5-5.5-02]	Hồ sơ xét duyệt học sinh hoàn thành chương trình lớp học - thi lại - ở lại	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
--	---	-------------	--	---	----------------------------	----------------------------